TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 282/2024/HC-PT
Ngày 12 tháng 04 năm 2024.
V/v Khiếu kiện quyết đinh hành chính trong lĩnh vực thuế.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Ngọc Huynh

Các Thẩm phán: ÔngNguyễn Văn Minh

Ông Phan Nhật Bình

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Minh Anh- Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Thành Đạt **-** Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 04năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 668/2023/TLPT-HC ngày 04 tháng 10 năm 2023 về việc "Khiếu kiện quyết đinh hành chính trong lĩnh vực thuế".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 1133/2023/HC-ST ngày07tháng 7 năm 2023của Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 567/2024/QĐPT-HCngày 25 tháng 3năm 2024,giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Hồ Thanh H, sinh năm 1953, (có mặt).

Địa chỉ thường trú: 227 N, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc: Ấp T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư Đỗ Hiền N, Đoàn Luật sư Thành phố H, (có mặt).

Địa chỉ: 2 D, phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người bị kiện: Cục trưởng Cục Thuế Thành phố H, (vắng mặt).

Địa chỉ: F V, phường A, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Tiến D – Phó Cục trưởng Cục Thuế Thành phố H, (vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:

- Ông Lê Hữu C, (có mặt).

- Bà Ngô Ngọc T, (có mặt).

- Ông Ngô Hoàng P, (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:Công an Thành phố H, (vắng mặt).

Địa chỉ: B T, phường N, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người kháng cáo: Người bị kiện là Cục trưởng Cục Thuế Thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Người khởi kiện - ông Hồ Thanh H trình bày:

Năm 2004, ông Hồ Thanh H bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố H khởi tố về tội "Trốn thuế" sự việc xảy ra tại Công ty TNHH H2. Trong quá trình điều tra, đến ngày 16/5/2012, Cơ quan cảnh sát điều tra ra Quyết định số 608-58 về việc Đình chỉ điều tra. Ngày 21/5/2012, Cơ quan cảnh sát điều tra C ban hành Công văn số 1222/CV-PC46(Đ8) gửi Cục Thuế Thành phố H để đề nghị xử lý hành chính đối với hành vi trốn thuế đối với ông H tại Công ty H2.

Ngày 13/11/2012 Cục trưởng Cục thuế Thành phố H ban hành Quyết định số 4793/QĐ-CT-KT4 về việc xử lý thuế, xử phạt vi phạm hành chính, với nội dung "Xử về thuế, xử phạt vi phạm hành chính về thuế đối với Công ty TNHH H2 Giám đốc: Hồ Thanh H...truy thu số tiền thuế 4.805.054.736 đồng Yêu cầu ông Hồ Thanh H nộp số tiền thuế GTGT là 4.805.054.736 đồng...". Sau đó, ngày 29/01/2013 Cục trưởng Cục thuế Thành phố H ban hành Quyết định số 311/QĐ-CT-KT4 về việc sửa đổi một số nội dung tại Quyết định số 4793/QĐ-CT-KT4 với nội dung "...Yêu cầu Công ty TNHH H2 do ông Hồ Thanh H giám đốc – Đại diện pháp luật nộp số tiền thuế GTGT là: 4.753.289.996 đồng vào tài khoản số 920.90.00.00008 tại Kho bạc Nhà nước Thành phố H....". Bản kết luận giám định về thuế GTGT của Hội đồng Giám định Tư pháp Tài chính kế toán - Bộ T2 (theo Quyết định trưng cầu giám định lại số 1391/QĐ-PC15(Đ8) ngày 27/10/2008 của Phó thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an T) kết luận: Công ty H2 đã trả đủ tiền hàng và tiền thuế cho các đơn vị bán hàng theo hoá đơn. Các hoá đơn bán hàng đều được bên bán kê khai nộp thuế GTGT đúng quy

định thì Công ty H2 được khấu trừ thuế đầu vào. Cuối năm 2002 Công ty TNHH H2 đã được Cục thuế Thành phố H kiểm tra Quyết toán thuế niên độ thuế 2001 và 2002, sau kiểm tra Cục thuế có Công văn xác nhận số 14/NQD-XN ngày 24/08/2003 xác nhận Công ty TNHH H2 hoàn tất thủ tục khóa mã số thuế, xác nhận đã nộp đủ thuế theo thông báo của cơ quan thuế. Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố H đã hoàn tất thủ tục giải thể doanh nghiệp cho Công ty H2. Chưa có cơ sở để xác định 216 số hoá đơn GTGT trị giá tiền hàng ghi trên hoá đơn là 56.610.758.240 đồng, thuế GTGT là 4.753.286.996 đồng mà Công ty TNHH H2 sử dụng để hợp pháp hoá các mặt hàng thuỷ hải sản là hóa đơn khống, được coi là mua trôi nổi ngoài thị trường (chưa xác định được nguồn gốc) để được khấu trừ thuế GTGT đầu vào.

Do vậy, việc Cục trưởng Cục T ban hành các quyết định số 4793/QĐ-CT-KT4 và quyết định số 311/QĐ-CT-KT4 để buộc ông H phải nộp lại số tiền khấu trừ thuế GTGT 4.753.286.996 đồng là không đúng quy định pháp luật. Yêu cầu Tòa án hủy các quyết định trên.

Người bị kiện - Cục trưởng Cục Thuế Thành phố H trình bày:

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công Thành phố H (PC46) có Công văn số 1222/CV-PC46 ngày 21/5/2012 gửi Cục T nêu rõ: "Căn cứ kết quả điều tra xác minh, nhận thấy: Việc mua hàng hải sản là do Hồ Thanh H tổ chức thu mua nguồn hải sản các loại của thương lái mua gom của các ngư dân đánh bắt ngoài biển ở Tiền Giang, Bến Tre, Cà Mau, Bạc Liêu, Kiên Giang, Đồng Tháp, Vũng Tàu, Phước H1 và Phan T1. Hồ Thanh H không lập bảng kê 04 mà bàn với Lê Huy C1 – Kế toán trưởng – quan hệ Xí nghiệp D1, Xí nghiệp D1, Chi nhánh Công ty X, Công ty TNHH T3, Chi nhánh Công ty T4 hợp thức hóa chứng từ, bằng hình thức các hợp đồng mua bán hải sản, giao hàng tay ba để các đơn vị này xuất cho H2 và Công ty TNHH H2 tờ hóa đơn GTGT khống để hợp thức hóa đầu vào số hàng hải sản do Hồ Thanh H mua trôi nổi để lập hồ sơ xin hoàn thuế số hàng đã xuất khẩu bán cho nước ngoài và kê khai khấu trừ số hàng hải sản bán trong nước. Hồ Thanh H được hoàn số tiền thuế là 6.858.359.374 đồng và được khấu trừ số tiền thuế GTGT là 18.633.958.059 đồng. Hành vi trên đã phạm tội "lừa đảo chiếm đoạt tài sản, tiền thuế; lưu hành các giấy tờ có giá khác". Căn cứ kết luận của PC46 kể trên thể hiện: Công ty TNHH H2 trực tiếp từ thương lái, không mua hàng hải sản của Xí nghiệp D1, Xí nghiệp D1, Chi nhánh Công ty X, Công ty TNHH T3, Chi nhánh Công ty T4. Do đó, các hóa đơn GTGT liên 2 mà Công ty TNHH H2 nhận từ các đơn vị này để hợp thức hóa chứng từ đối với nguồn hải sản Công ty TNHH H2 mua từ thương lái là các hóa đơn không hợp pháp theo quy định tại Điều 3 Quyết định 885/2008/QĐ-BTC. Công ty TNHH H2 sử dụng các tờ hóa đơn GTGT không hợp pháp là hành vi vi

phạm Điều 5 Quyết định 885/QĐ-BTC. Theo quy định tại Điều 21 Quyết định 885/QĐ-BTC thì Công ty TNHH H2 không được sử dụng các tờ hóa đơn không hợp pháp này để làm căn cứ tính thuế. Công ty TNHH H2 sử dụng hóa đơn không hợp pháp để kê khai thuế là hành vi vi phạm Điều 13 Luật thuế Giá trị gia tăng. Theo hướng dẫn tại điểm 2.1 mục II Thông tư 128/1998/TT-BTC đây là hành vi khai man, trốn thuế của Công ty TNHH H2. PC46 có Công văn 3199/CV-PC46 ngày 29/10/2012 gửi Cục T xác định thời điểm Cơ quan điều tra phát hiện hành vi trốn thuế của Công ty TNHH H2 là ngày 20/5/2004. Do đó, căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 24 Luật Thuế giá trị gia tăng vẫn còn thời hiệu xử lý truy thu thuế GTGT đối với Công ty TNHH H2 về hành vi vi phạm kê khai khấu trừ thuế GTGT của các hóa đơn không hợp pháp từnăm 1999 đến năm 2001.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan - Công an Thành phố H trình bày:

Việc xử lý về thuế, xử phạt vi phạm hành chính theo Công văn 1222/CV-PC46 (Đ8) của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H ngày 21/5/2012.

Việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H ra Quyết định khởi tố vụ án "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và trốn thuế" và Quyết định khởi tố bị can đối với Hồ Thanh H và các bị can khác là có căn cứ, theo đúng quy định của pháp luật. Hành vi "Trốn thuế" của Hồ Thanh H tại H2 và Công ty TNHH H2 xảy ra từ năm 1999 đến năm 2001. Trong quá trình xử lý vụ án có vướng mắc về giám định tư pháp về thuế nên vụ án kéo dài hơn 10 năm, năm 2012 đã hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự về tội "Trốn thuế" đối với Hồ Thanh H. Hành vi sử dụng hóa đơn chứng từ bất hợp pháp dùng vào việc kê khai hoàn thuế GTGT tại H2 của Hồ Thanh H từ năm 2000 đến 2001. Luật quản lý thuế có hiệu lực năm 2007, sau nhiều lần sửa đổi bổ sung, thì quy định về việc truy thu do hoàn thuế sai ... có lợi so với các quy định trước đây nên hành vi "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" trong việc kê khai hoàn thuế GTGT của Hồ Thanh H không còn nguy hiểm cho xã hội, vì vậy Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H miễn truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Hồ Thanh H về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra C xác định và kết luận Công ty TNHH H2 trốn thuế là có căn cứ. Việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H ra Quyết định đình chỉ điều tra vụ án và Quyết định đình chỉ điều tra bị can đối với Hồ Thanh H các bị can khác về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và trốn thuế" là do hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự và do pháp luật thay đổi, không phải do oan sai trong tố tụng. Vì vậy, ngày 21/5/2012 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H có Công văn số 1222/CV-PC46

(Đ8) đề nghị Cục thuế Thành phố H xử lý hành chính và truy thu thuế theo thẩm quyền đối với Công ty TNHH H2 là đúng quy định của pháp luật. Do đó, Công an Thành phố H nhận thấy yêu cầu hủy bỏ Quyết định số 4973/QĐ-CT-KT4 của Cục thuế Thành phố H về việc xử lý về thuế, xử phạt vi phạm hành chính theo đề nghị tại Công văn số 1222/CV-PC46 (Đ8) của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H (PC03) ngày 21/5/2012 của ông Hồ Thanh H là không có căn cứ.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 1133/2023/HC-ST ngày 07 tháng 7 năm 2023, Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

Căn cứ các Điều 3; Điều 30; Điều 32; Điều 116; Điều 158, Điều 193 và Điều 206 Luật Tố tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính năm 2002;

Căn cứ Luật Thuế giá trị gia tăng năm 1997;

Căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009.

Tuyên xử:

1. *Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông* Hồ Thanh H.

Hủy Quyết định số 4793/QĐ-CT-KT4 ngày 13/11/2012 về việc xử lý thuế, xử phạt vi phạm hành chính và Quyết định số 311/QĐ-CT-KT4 ngày 29/01/2013 về việc sửa đổi một số nội dung tại Quyết định số 4793/QĐ-CT-KT của Cục trưởng Cục Thuế Thành phố H.

2. Án phí hành chính sơ thẩm:

Cục trưởng Cục Thuế Thành phố H *phải chịu án phí hành chính sơ thẩm là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng. Hoàn trả cho ông* Hồ Thanh H *số tiền tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm đã nộp là 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu số AG/2010/04554 ngày 10/12/2012 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.*

Ngày 11/8/2023 Cục trưởng Cục Thuế Thành phố H kháng cáo bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm; bác yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Thanh H.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Luật sư Đỗ Hiền N và ông Hồ Thanh H trình bày: Quyết định hành chính bị kiện ban hành trái với quy định của pháp luật, làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của ông H. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử tuyên hủy các quyết định này là đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của Cục trưởng Cục Thuế Thành phố H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Cục trưởng Cục Thuế Thành phố H trình bày: Theo kết luận giám định của Bộ T2 thì trường hợp ông H không sai phạm. Nhưng căn cứ vào Công văn số 1222 ngày 21/5/2012 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H xác định ông H có sai phạm, nênCục trưởng Cục Thuế Thành phố H ban hành quyết định 4793 và quyết định 311 về lĩnh vực thuế đối với ông H là đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của Cục trưởng Cục Thuế Thành phố H, sửa bản án sơ thẩm, tuyên bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông H.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh:

- Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật: Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính.
- Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét toàn diện các tài liệu, chứng cứ của vụ án, xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H, hủy quyết định bị kiện là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của Cục trưởng Cục Thuế Thành phố H; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo, nghĩa vụ đóng tạm ứng án phí, đương sự đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

[1.2] Về thời hiệu khởi kiện: Tòa án cấp sơ thẩm xác định đơn khởi kiện của người khởi kiện còn trong thời hiệu khởi kiện là đúng quy định của pháp luật.

[1.3] Tại phiên tòa phúc thẩm, một số đương sự vắng mặt nhưng những người này đã có văn bản xin xét xử vắng mặt hoặc đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ Điều 225 Luật tố tụng hành chính, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt những đương sự này.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét Quyết định số 4793/QĐ-CT-KT4 ngày 13/11/2012 về việc xử lý thuế, xử phạt vi phạm hành chính và Quyết định số 311/QĐ-CT-KT4 ngày 29/01/2013 về việc sửa đổi một số nội dung tại Quyết định số 4793/QĐ-CT-KT4 của Cục trưởng Cục Thuế Thành phố H.

[2.2] Về thẩm quyền, trình tự và thủ tục ban hành quyết định.

Căn cứ Luật Quản lý thuế, Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính và Quyết định số 108/QĐ-BTC ngày 14/01/2010 của Bộ T2 về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục T trực thuộc Tổng cục T5. Việc ban hành các quyết định trên của Cục trưởng Cục Thuế Thành phố H là đúng thẩm quyền.

[2.3] Xét tính hợp pháp các quyết định bị kiện.

Tại Điều 80 Luật Tố tụng hành chính quy định *"Chứng cứ trong vụ án hành chính là những gì có thật được đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân khác giao nộp, xuất trình cho Tòa án trong quá trình tố tụng hoặc do Tòa án thu thập được theo trình tự, thủ tục do Luật này quy định mà Tòa án sử dụng làm căn cứ để xác định các tình tiết khách quan của vụ án cũng như xác định yêu cầu hay sự phản đối của đương sự là có căn cứ và hợp pháp."*

Tại khoản 5 Điều 81 Luật Tố tụng hành chính quy định *"Chứng cứ được thu thập từ các nguồn sau đây: ... 5. Kết luận giám định"*

Tại khoản 1 Điều 2 Luật Giám định tư pháp năm 2012 quy định *"Giám định tư pháp là việc người giám định tư pháp sử dụng kiến thức, phương tiện, phương pháp khoa học, kỹ thuật, nghiệp vụ để kết luận về chuyên môn những vấn đề có liên quan đến hoạt động điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án hình sự, giải quyết vụ việc dân sự, **vụ án hành chính** theo trưng cầu của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng hoặc theo yêu cầu của người yêu cầu giám định theo quy định của Luật này."*

Như vậy, đối với vụ án hành chính thì kết luận giám định là một trong những nguồn chứng cứ để Tòa án căn cứ vào đó làm cơ sở giải quyết vụ án.

Theo nội dung Bản kết luận giám định về thuế GTGT ngày 02/3/2009 của Hội đồng Giám định Tư pháp Tài chính kế toán - Bộ T2 (theo Quyết định trưng cầu giám định lại số 1391/QĐ-PC15(Đ8) ngày 27/10/2008 của Phó thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H) thể hiện:

Từ tháng 1/2000 đến tháng 4/2001, trên hồ sơ kê khai thuế của Công ty TNHH H2 thống kê hóa đơn của Công an cung cấp cho giám định thể hiện Công ty H2 có kê khai 216 hoá đơn mua vào mặt hàng thuỷ hải sản các loại từ 04 đơn vị (Xí nghiệp D1, Xí nghiệp chế biến kinh doanh nông sản, Chi nhánh I, Công ty TNHH T3) với trị giá hàng hoá ghi trên hoá đơn là 56.610.758.240 đồng, thuế GTGT ghi trên hoá đơn là 4.753.286.996 đồng. Thời điểm giao dịch mua bán với Công ty H2, các đơn vị nói trên đều có đủ tư cách pháp nhân theo quy định của pháp luật và đang hoạt động bình thường. Toàn bộ 216 số hoá đơn xuất bán

hàng cho Công ty H2 đều là hoá đơn do Bộ T2 phát hành và do các đơn vị mua tại Cục thuế các tỉnh như Thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Quảng trị (không phải là hoá đơn giả).

Các đơn vị mua bán với Công ty TNHH H2 theo hợp đồng mua bán hải sản (hàng giao tay ba). Đây là phương thức mua hàng hoá giao bán ngay cho khách hàng (không nhập hàng qua kho còn gọi là mua bán giao hàng tay ba). Phương thức mua bán này pháp luật không cấm, phù hợp với các quy định của Luật Thương mại. Chế độ kế toán hiện hành có cho phép hạch toán kế toán mô hình kinh doanh này.

Do tài liệu đưa vào giám định không có chứng từ gốc, sổ sách kế toán của các đơn vị bán hàng nói trên nên Tổ giám định chưa có căn cứ để xác định các đơn vị này chỉ xuất khống hóa đơn cho Công ty H2.

Các hoá đơn bán hàng cho Công ty H2 đều đã được các đơn vị bán hàng kê khai nộp thuế với cơ quan quản lý thuế ở các địa phương (xác nhận của Cơ quan CSĐT tại Công văn số 36/CV PC15(8) ngày 23/02/2009 gửi Hội đồng giám định thuế). Do vậy chưa thấy mất thuế GTGT ở khâu bán hàng này.

Hành vi trốn thuế làm thất thu thuế chỉ xảy ra khi các đơn vị bán hàng này xuất hoá đơn GTGT bán hàng nhưng không kê khai thuế, (trốn doanh thu) hoặc xuất hóa đơn ghi trên liên giao cho khách hàng là hàng thuỷ sản, nhưng liên lưu để kê khai thuế lại là loại hàng hóa khác có trị giá thấp, thuế thấp so với liên giao khách hàng, hoặc đơn vị bán hàng lấy hoá đơn của đơn vị khác xuất cho người mua hàng (hóa đơn không hợp lệ) và không kê khai thuế... theo hướng dẫn tại điểm 2, mục IV phần B Quy trình nghiệp vụ in ấn, phát hành, quản lý, sử dụng hoá đơn ban hành kèm theo Quyết định 1537/TCT/QĐ-AC ngày 19/11/1999 của Tổng cục trưởng Tổng cục T5.

Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh các đơn vị xuất hoá đơn đầu vào cho Xí nghiệp dịch vụ kinh doanh nông sản, Xí nghiệp chế biến kinh doanh nông sản và Chi nhánh I. Nhưng các đơn vị này đều bỏ trốn nên không xác minh làm rõ được.

Như vậy chưa có cơ sở để xác định các đơn vị xuất hoá đơn bán hàng cho Công ty H2 có hành vi xuất hóa đơn khống để khai man trốn thuế.

Các tài liệu thể hiện, từ tháng 1/2000 đến tháng 4/2001, Công ty TNHH H2 mua hàng hóa là thuỷ hải sản các loại theo hợp đồng mua bán giao hàng tay ba ký kết với 04 đơn vị (Xí nghiệp D1, Xí nghiệp chế biến kinh doanh nông sản, Chi nhánh I, Công ty TNHH T3) qua 216 hoá đơn GTGT với trị giá hàng hoá ghi trên hoá đơn là 56.610.758.240 đồng, thuế giá trị gia tăng là 4.753.286.996 đồng.

Công ty H2 đã thanh toán đủ tiền hàng và tiền thuế cho các đơn vị bán hàng. Thực tế có hàng hoá mua vào nhập kho Công ty H2 (không phải là hàng khống, không có hàng). Về nguyên tắc các đơn vị bán hàng cho Công ty H2 theo hợp đồng, có đầy đủ chứng từ, hóa đơn theo quy định, được thanh toán tiền hàng, tiền thuế đúng theo trị giá ghi trên hóa đơn và đã kê khai nộp thuế GTGT đối với hàng hóa dịch vụ bán ra thì đơn vị mua hàng (Công ty H2) được khấu trừ thuế GTGT đầu vào.

Hàng hoá mua vào Công ty H2 có gia công chế biến rồi bán ra cho các đơn vị trong nước và xuất khẩu. Các hoá đơn bán ra đều được Công ty H2 kê khai nộp thuế đầy đủ theo từng kỳ kinh doanh với Cục thuế Thành phố H. Hàng hoá mua vào, bán ra có đầy đủ hóa đơn, chứng từ, được hạch toán rõ ràng, đầy đủ trên hệ thống sổ sách kế toán của Công ty H2 (dựa trên nhận xét của các đoàn kiểm tra). Theo quy định của Luật thuế GTGT thì Công ty H2 có trách nhiệm nộp thuế GTGT trên phần doanh thu bán ra và đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế theo thông báo của Cục thuế Thành phố H. Do vậy ở khâu mua vào bán ra này chưa thấy hành vi khai man để trốn thuế, Nhà nước chưa mất thuế.

Từ đó, Hội đồng giám định Kết luận: Từ các phân tích nhận xét nêu trên cho thấy khi mua hàng hóa thủy sản của các đơn vị (04) Công ty H2 đã trả đủ tiền hàng và tiền thuế cho các đơn vị bán hàng theo hoá đơn. Các hoá đơn bán hàng đều được bên bán kê khai nộp thuế GTGT đúng quy định thì Công ty H2 được khấu trừ thuế đầu vào. Qua các khâu kê khai nộp thuế GTGT của cả bên mua và bên bán cho thấy Nhà nước chưa bị thất thu thuế GTGT.

Tài liệu đưa vào giám định không có chứng từ kế toán gốc kèm theo hệ thống sổ sách kế toán, báo cáo kế toán tài chính tổng hợp của các đơn vị bán hàng cho Công ty TNHH H2 nên Tổ giám định không có cơ sở để kiểm tra việc hạch toán mua bán hàng của từng đơn vị có liên quan (đúng hay sai chế độ hạch toán kế toán) không cân đối được mối quan hệ tiền hàng. Qua đó không có cơ sở để thẩm định đúng, sai theo nhận định giả thu giả chi của cơ quan Công an và việc các đơn vị trên bán hóa đơn không có hàng hóa.

Tài liệu đưa vào giám định của Công ty H2 cũng không có đầy đủ chứng từ gốc và hệ thống sổ sách kế toán (quan trọng nhất là sổ theo dõi xuất nhập tồn hàng hóa) ... tài liệu chỉ có sổ quỹ tiền mặt, sổ phụ ngân hàng; Kiểm tra thấy có phản ánh đủ nghiệp vụ thanh toán tiền hàng (khi mua hàng) và tiền thuế (liên quan đến 223 hoá đơn GTGT mua hàng đưa vào giám định), các khoản thanh toán chi phí quản lý, thu tiền bán hàng ... Việc thanh toán có thể hiện cả qua ngân hàng.

Tham khảo qua các biên bản kiểm tra của các Đoàn kiểm tra (Kiểm toán Nhà nước, Cục thuế Thành phố H) kiểm tra niên độ Thuế các năm 1999, 2000, 2001 và 2002 của Công ty H2 thì về ghi chép cập nhật chứng từ, hạch toán sổ sách kế toán đều rõ ràng và đúng quy định. Cuối năm 2002 Công ty TNHH H2 đã được Cục thuế Thành phố H kiểm tra Quyết toán thuế niên độ thuế 2001 và 2002, sau kiểm tra Cục thuế có Công văn xác nhận số 14/NQD-XN ngày 24/08/2003 xác nhận Công ty TNHH H2 hoàn tất thủ tục khóa mã số thuế, xác nhận đã nộp đủ thuế theo thông báo của cơ quan thuế. Căn cứ trên xác nhận này sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố H đã hoàn tất thủ tục giải thể doanh nghiệp cho Công ty H2.

Do đó chưa có đủ cơ sở để xác định 223 hoá đơn GTGT của các đơn vị xuất cho Công ty TNHH H2 là hóa đơn xuất khống. Từ đó cũng chưa có cơ sở để xác định ông Hồ Thanh H, Giám đốc Công ty TNHH H2 (từ năm 2001) đã mua 216 số hoá đơn GTGT khống với trị giá tiền hàng ghi trên hoá đơn là 56.610.758.240 đồng, thuế GTGT là 4.753.286.996 đồng để hợp pháp hoá các mặt hàng thuỷ hải sản được coi là mua trôi nổi ngoài thị trường (chưa xác định được nguồn gốc) để được khấu trừ thuế GTGT đầu vào.

Trường hợp cơ quan thuế, cơ quan công an, cơ quan chức năng khác trong quá trình kiểm tra, xác minh, điều tra đi có kết luận hóa đơn do cơ sở kinh doanh sử dụng là bất hợp pháp thì theo quy định tại điểm 2.1.3, 2.1.5 khoản 2 Công văn số 7333/BTC-TCT ngày 24/6/2008 của T5 có quy định:

Điểm 2.1.3. *"Trường hợp cơ quan thuế kiểm tra và yêu cầu cơ sở kinh doanh chứng minh: Cơ sở kinh doanh có mua hàng hóa, dịch vụ sử dụng cho hoạt động sản xuất kinh doanh; có hợp đồng mua bán, văn bản thanh lý hợp đồng (nếu có); có phiếu xuất, nhập kho, chứng từ thanh toán tiền và hạch toán kế toán theo đúng quy định; cơ sở kinh doanh có cam kết việc mua hàng hóa, dịch vụ là có thật hàng hóa, dịch vụ mua vào đã được bán ra có kê khai, nộp thuế, hạch toán kế toán đầy đủ và cơ sở kinh doanh chịu trách nhiệm trước pháp luật thì cơ quan thuế thực hiện ấn định chi phí mua hàng, chi phí mua dịch vụ được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN theo quy định điểm 7 Phần Đ Thông tư số 128/2003/TT-BTC ngày 22/12/2003 của* Bộ T2 *đối với những trường hợp sử dụng hóa đơn bất hợp pháp để hạch toán vào chi phí trước ngày 1/7/2007, hoặc ấn định theo yếu tố chi phí mua hàng hóa, dịch vụ theo quy định tại Điểm 2.1 Mục XII Phần B Thông tư số 60/2007/TT-BTC ngày 14/6/2007 của* Bộ T2 *nêu trên đối với những trường hợp sử dụng hóa đơn bất hợp pháp để hạch toán vào chi phí từ ngày 1/7/2007".*

Điểm 2.1.5 *"Trường hợp việc sử dụng hóa đơn bất hợp pháp nhưng không dẫn đến thiếu thuế, gian lận thuế, trốn thuế thì cơ sở kinh doanh bị phạt*

đối với hành vi sử dụng hóa đơn bất hợp pháp theo quy định tại khoản 4 Điều 14 hoặc khoản 3 Điều 15 Nghị định số 89/2002/NĐ-CP ngày 7/11/2002 của Chính phủ quy định về việc in, phát hành, quản lý, sử dụng hóa đơn".

Như vậy, hành vi sử dụng hóa đơn bất hợp pháp của Công ty TNHH H2 nhưng theo nội dung giám định của Hội đồng Giám định tư pháp - Bộ T2 kết luận thể hiện cơ sở kinh doanh có mua hàng hóa, dịch vụ sử dụng cho hoạt động sản xuất kinh doanh; có hợp đồng mua bán, văn bàn thanh lý hợp đồng; có phiếu xuất, nhập kho, chứng từ thanh toán tiền và hạch toán kế toán theo đúng quy định; cơ sở kinh doanh có cam kết việc mua hàng hóa, dịch vụ là có thật hàng hóa, dịch vụ mua vào đã được bán ra có kê khai, nộp thuế, hạch toán kế toán đầy đủ và đã được kiểm toán, thanh tra thuế kiểm tra trước khi giải thể. Thực tế Công ty TNHH H2 có hành vi mua bán tay ba với đối tác, sử dụng hóa đơn này để hợp thức khấu trừ thuế, nhưng thực tế bên mua và bên bán hàng hóa có kê khai nộp thuế đầy đủ theo quy định cho nhà nước nên Công ty H2 được khấu trừ thuế GTGT đầu vào, đồng thời trong trường hợp này Nhà nước cũng không bị thất thu thuế. Mặt khác, tại phiên tòa phúc thẩm, người bảo vệ quyền và lợi ích của cục T cũng thừa nhận quy định pháp luật về thuế không cấm doanh nghiệp mua hàng với hình thức tay ba. Do đó, Công ty TNHH H2 không thuộc bị truy thu thuế mà chỉ bị xử phạt vi phạm hành chính như hướng dẫn tại Công văn số 7333/BTC-TCT ngày 24/6/2008 nêu trên.

Tuy nhiên, hành vi sử dụng hóa đơn không đúng quy định của Công ty TNHH H2 để kê khai khấu trừ thuế từ tháng 1/2000 đến tháng 4/2001, nhưng đến 20/5/2004 mới bị cơ quan điều tra phát hiện, theo quy định tại Điều 12 Nghị định 22/CP ngày 17/4/1996 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế thì thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính về thuế đã hết thời hiệu xử phạt đối với hành vi này.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đánh giá toàn diện các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Thanh H, hủy Quyết định số 4793/QĐ-CT-KT4 ngày 13/11/2012 về việc xử lý thuế, xử phạt vi phạm hành chính và Quyết định số 311/QĐ-CT-KT4 ngày 29/01/2013 về việc sửa đổi một số nội dung tại Quyết định số 4793/QĐ-CT-KT của Cục trưởng Cục Thuế Thành phố H là có căn cứ. Cục trưởng Cục Thuế Thành phố H kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ nào mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo nên Hội đồng xét xử bác kháng cáo của Cục trưởng Cục Thuế Thành phố H; giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa.

[3] Về án phí hành chính phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên Cục trưởng Cục Thuế Thành phố H phải chịu.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính năm 2002;

Căn cứ Luật Thuế giá trị gia tăng năm 1997;

Căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của Cục trưởng Cục Thuế Thành phố H; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

2. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Thanh H.

Hủy Quyết định số 4793/QĐ-CT-KT4 ngày 13/11/2012 về việc xử lý thuế, xử phạt vi phạm hành chính và Quyết định số 311/QĐ-CT-KT4 ngày 29/01/2013 về việc sửa đổi một số nội dung tại Quyết định số 4793/QĐ-CT-KT của Cục trưởng Cục Thuế Thành phố H.

3. Về án phí:

3.1. Án phí hành chính sơ thẩm: Cục trưởng Cục Thuế Thành phố H phải chịu án phí hành chính sơ thẩm là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

Hoàn trả cho ông Hồ Thanh H số tiền tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm đã nộp là 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu số AG/2010/04554 ngày 10/12/2012 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3.2. Án phí hành chính phúc thẩm: Cục trưởng Cục Thuế Thành phố H phải chịu 300.000 (hai trăm nghìn) đồng. Số tiền Cục trưởng Cục Thuế Thành phố H nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0002046 ngày 12/9/2023 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh được trừ vào tiền án phí phải nộp.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao; (1)
- VKSNDCC tại TP.Hồ Chí Minh; (1)
- TANDTP.Hồ Chí Minh ; (1)
- VKSND TP.Hồ Chí Minh ; (1)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Cục THADS TP.Hồ Chí Minh ; (1)
- Người khởi kiện; (1)
- Người bị kiện; (1)
- NCQLNVLQ; (1)
- Lưu VT (5), HS (2) (BA- LMA).

Vũ Ngọc Huynh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thanh DũngPhạm Trí Tuấn **Vũ Ngọc Huynh**